

Phụ lục số 04: BẢNG GIÁ ĐẤT CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
I	Huyện Nhơn Trạch		
1	Khu tái định cư Hiệp Phước		
	Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ, đoạn qua thị trấn Hiệp Phước)	11.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	7.700	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
2	Khu tái định cư Hiệp Phước 3 (giai đoạn 1)		
	Các đường trong Khu tái định cư Hiệp Phước 3	4.300	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
3	Khu tái định cư Đại Lộc 1 Khu tái định cư Đại Lộc 2		
	Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) (Đoạn từ đường Trần Văn Trà đến đường vào khu tái định cư Đại Lộc 1)	12.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	8.400	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
4	Khu tái định cư Long Thọ (giai đoạn 1 và 2)		
	Đường ra Cảng Phước An (Đoạn từ Hùng Vương xã Long Thọ đến giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An)	6.500	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	5.400	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
5	Khu tái định cư Phú Đông (Công ty Cổ phần Đầu tư Sen Việt Công thương làm chủ đầu tư)		
	Đường Võ Thị Sáu (đường Giồng Ông Đông cũ), từ đường Hùng Vương đến giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt)	4.700	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	3.200	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
6	Khu tái định cư Phước An (Công ty HUD bàn giao, đang xây dựng hạ tầng)		

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Đường Nguyễn Văn Cừ	6.500	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	4.500	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
7	Khu tái định cư Phú Hội		
	Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) (Đoạn từ đường vào đình Phú Mỹ 2 (Phú Hội) đến hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội)	7.200	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	5.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
8	Khu tái định cư Phước Thiện		
	Đường vào khu tái định cư Phước Thiện (xã Phước Thiện), từ đường Lý Thái Tổ đến hết khu Tái định cư Phước Thiện	5.900	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	4.100	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
9	Khu tái định cư Phước Thiện		
	Đường vào khu tái định cư Phước Thiện (xã Phước Thiện), từ đường Lý Thái Tổ đến hết khu Tái định cư Phước Thiện	5.900	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	4.100	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
II	Huyện Định Quán		
1	Khu tái định cư trung tâm xã Thanh Sơn		
	Các đường trong Khu tái định cư trung tâm xã Thanh Sơn	360	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
2	Khu tái định cư Làng Cá Bè		
	Các đường trong Khu tái định cư Làng Cá Bè	100	Do khu dân cư cách xa đường nhựa nối vào khu hiện còn đang khó khăn xác định vị trí 4 đề nghị giữ nguyên theo QĐ 56/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 đã được UBND tỉnh ban hành. Khu TĐC ổn định hạ tầng đồng bộ tương đồng với các thửa đất lân cận nằm ngoài khu tái định cư
3	Khu tái định cư xã Phú Túc		
	Các đường trong Khu tái định cư xã Phú Túc	2.700	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
4	Khu tái định cư ấp 2, xã Suối Nho		

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Các đường trong Khu tái định cư ấp 2, xã Suối Nho	1.800	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
5	Khu tái định cư L9, xã Túc Trưng		
	Đường 4A	1.300	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	900	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
6	Khu tái định cư L16, xã Túc Trưng		
	Đường 2A	1.300	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường 4A	1.300	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	900	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
7	Khu A1, xã Túc Trưng		
	Đường 2A	1.300	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	900	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
8	Khu A3, xã Túc Trưng		
	Đường 2A	1.300	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	900	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
9	Khu tái định cư xã Phú Tân		
	Đường 120 (xã Phú Tân)	420	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	300	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
10	Khu dân cư xã Phú Tân		
	Đường 120 (xã Phú Tân)	420	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	300	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
11	Khu tái định cư đô thị La Ngà		
	Đường 101B (xã La Ngà), từ đường 101B đến đường nối từ Quốc lộ 20 với Đồi Du Lịch xã La Ngà	590	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Các đường còn lại	415	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
12	Khu định canh định cư		
	Các đường trong Khu tái định cư, xã La Ngà	350	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
13	Khu tái định cư 1 và Khu tái định cư 2, thị trấn Định Quán		
	Đường Ngô Quyền		
	Đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc đến đường Trần Hưng Đạo	3.500	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Cách mạng tháng 8	2.200	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Trần Hưng Đạo		
	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Ngô Quyền	3.100	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Cách Mạng Tháng 8	3.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường 3 Tháng 2		
	Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Ngô Quyền	3.400	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Chu Văn An	2.200	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Lương Thế Vinh	1.900	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Ngô Thời Nhiệm	1.900	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Mạc Đĩnh Chi	1.900	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Nguyễn Du	1.900	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Lý Thường Kiệt	1.900	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Trần Nhân Tông		
	Đoạn từ Đường Trần Hưng Đạo đến hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐ số 7, thị trấn Định Quán	2.200	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	1.700	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 90% so với giá đất thuộc vị trí 1 đường có mức giá thấp.
14	Khu tái định cư - Đường Lý Thái Tổ		
	Các đường trong Khu tái định cư - Đường Lý Thái Tổ	490	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
15	Khu tái định cư Lò Gạch		

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Các đường trong Khu tái định cư Lò Gạch	420	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
16	Khu dân cư bệnh viện cũ		
	Đường Trịnh Hoài Đức, từ đường 17/3 đến đường Gia Canh	1.300	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	900	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
17	Khu Tái định cư Đồi Nancy		
	Các đường trong Khu Tái định cư Đồi Nancy	1.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
18	Khu tái định cư xã Gia Canh		
	Đường Gia Canh, đoạn còn lại, từ Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn đến hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐDC số 26 về bên trái và hết ranh thửa đất số 11, tờ BĐDC số 40 về bên phải, xã Gia Canh	700	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	490	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
III	Huyện long Thành		
1	Khu tái định cư Liên Kim Sơn		
	Các đường trong Khu tái định cư Liên Kim Sơn	4.200	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
2	Khu tái định cư An Phước (Xuân An)		
	Các đường trong Khu tái định cư An Phước (Xuân An)	6.300	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
3	Khu tái định cư Tam An		
	Các đường trong Khu tái định cư Tam An	2.950	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
4	Khu tái định cư Long An		
	Đường Bung Môn qua xã Long An (từ Quốc lộ 51 đến Đường tỉnh 769)	5.700	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	4.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
5	Khu tái định cư An Thuận		

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Các đường trong Khu tái định cư An Thuận	5.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
6	Khu tái định cư Phước Bình		
	Đường vào UBND xã Phước Bình (Đoạn còn lại từ khu làng dân tộc Choro (bên phải từ ranh thửa đất số 26, tờ BĐĐC số 31; bên trái từ ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 31, xã Phước Bình) đến hết ranh xã Phước Bình)	4.200	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	2.900	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
7	Khu tái định cư Tân Hiệp		
	Các đường trong Khu tái định cư Tân Hiệp	4.200	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
8	Khu dân cư, tái định cư tại xã Lộc An - Bình Sơn		
	Đường trục chính Khu dân cư, tái định cư tại xã Lộc An - Bình Sơn	7.500	Đề xuất đặt tên mới giá bằng vị trí 1 Đường tỉnh 769 (Đoạn qua xã Bình Sơn (từ ranh xã Lộc An - Bình Sơn đến giáp ranh giới xã Bình An)
	Các đường còn lại	5.250	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
9	Khu tái định cư Long Đức		
	Đường liên xã Long Đức - Lộc An đoạn qua xã Long Đức (từ UBND xã Long Đức qua Nhà máy mủ cao su Long Thành đến đường Lê Quang Định giáp thị trấn Long Thành)	4.900	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	3.350	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
10	Khu tái định cư Tân Hiệp mở rộng		
	Các đường trong Khu tái định cư Tân Hiệp mở rộng	4200	Đề xuất theo giá đất Khu TĐC Tân Hiệp hiện hữu
11	TĐC thị trấn Long Thành		
	Đường Hoàng Minh Châu	6.200	Khu tái định cư theo quy hoạch đến năm 2030, đề xuất lấy theo bảng giá đất theo QĐ56
	Các đường còn lại	4.350	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
12	TĐC Lâm Trường		
	Các đường trong Khu tái định cư Lâm Trường	6.200	Khu tái định cư đang thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, đề xuất lấy theo bảng giá đất theo QĐ56
13	Khu tái định cư Long Phước		
	Các đường trong Khu tái định cư Long Phước	5.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
IV	Huyện Thống Nhất		
1	Khu tái định cư Bàu Hàm 2		
	Các đường trong Khu tái định cư Bàu Hàm 2	2.800	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
2	Khu dân cư Xóm Hồ		
	Các đường trong Khu dân cư Xóm Hồ	4.700	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
V	Huyện Tân Phú		
1	Khu tái định cư (9,7ha)		
	Đường D1 đi khu tái định cư 9,7 ha (từ đường Phạm Ngọc Thạch đến hết ranh thửa đất số 550, tờ BĐĐC số 3 về bên phải và hết ranh thửa đất số 574, tờ BĐĐC số 3 về bên trái, thị trấn Tân Phú)	1.200	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Hùng Vương (từ đường Nguyễn Thượng Hiền đến hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 2, thị trấn Tân Phú)	2.200	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Phạm Ngọc Thạch (từ Quốc lộ 20 đến hết ranh thửa đất số 83, tờ BĐĐC số 2 về bên phải và hết ranh thửa đất số 508, tờ BĐĐC số 2 về bên trái, thị trấn Tân Phú)	2.200	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Hùng Vương (từ đường Nguyễn Du đến đường Nguyễn Thượng Hiền)	1.600	Bổ sung đường trong khu tái định cư 9,7 ha
	Đường Nguyễn Du (Đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến thửa đất số 16, tờ BĐĐC số 3, thị trấn Tân Phú)	1.200	Bổ sung đường do đã hoàn thành hạ tầng giao thông giáp ranh khu tái định cư 9,7 ha
	Các đường còn lại	1.200	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
2	Khu tái định cư (15 ha)		

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Đường Hùng Vương (từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Lý Thường Kiệt trong khu tái định cư)	1.600	Bổ sung đường trong khu tái định cư 15 ha
	Đường Nguyễn Trí Phương (từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Lý Thường Kiệt trong khu tái định cư)	1.600	Bổ sung đường trong khu tái định cư 15 ha
	Đường Nguyễn Chí Thanh (từ đường Hùng Vương đến đường Lê Đại Hành trong khu tái định cư)	1.200	Bổ sung đường trong khu tái định cư 15 ha
	Đường Lý Thường Kiệt (từ đường Hùng Vương đến đường Lê Đại Hành trong khu tái định cư)	1.200	Bổ sung đường trong khu tái định cư 15 ha
	Đường Lê Đại Hành (từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Lý Thường Kiệt trong khu tái định cư)	1.200	Bổ sung đường trong khu tái định cư 15 ha
	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8	1.200	Bổ sung đường trong khu tái định cư 15 ha
	Đường N4, N5, N12, N13	1.100	Bổ sung đường trong khu tái định cư 15 ha
	Đường N1, N2, N3, N6, N7, N8, N9, N10, N14, N15, N16	1.000	Bổ sung đường trong khu tái định cư 15 ha
	Các đường còn lại	1.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
VI	Thành phố Long Khánh		
1	Khu tái định cư phường Xuân Tân		
	Các đường trong Khu tái định cư phường Xuân Tân	1.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
2	Khu tái định cư phường Bảo Vinh		
	Đường Trần Nhân Tông (Bảo Vinh B - Suối Chồn)	2.100	Đường này đã có tên trong bảng giá, Mức giá tăng để phù hợp với Đường Nguyễn Trung Trực (Đoạn qua phường Bảo Vinh)
	Đường Nguyễn Trung Trực (Đoạn qua phường Bảo Vinh)	3.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	1.700	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1. đường có giá thấp nhất
VII	Huyện Vĩnh Cửu		
1	Khu Tái định cư ấp Thới Sơn		

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Các đường trong Khu Tái định cư ấp Thới Sơn	4.550	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
2	Khu tái định cư xã Hiếu Liêm		
	Các đường trong Khu tái định cư xã Hiếu Liêm	460	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
3	Khu định cư xã Phú Lý		
	Các đường trong Khu định cư xã Phú Lý	460	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
4	Khu định cư 0,87 ha		
	Đường Cộ - Cây Xoài (Đoạn từ Đường tỉnh 768 đến hết khu tái định cư 3,8 ha xã Tân An)	2.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
5	Khu định cư 3,8 ha		
	Đường Đường Cộ - Cây Xoài (Đoạn từ Đường tỉnh 768 đến hết khu tái định cư 3,8 ha xã Tân An)	2.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	1400	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
6	Khu tái định cư ấp 5		
	Các đường trong Khu tái định cư ấp 5	4.900	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
7	Khu tái định cư Miền Đông		
	Các đường trong Khu tái định cư Miền Đông	4.900	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
8	Khu định cư khu phố 1		
	Đường Lê Duẩn (từ đường Phan Chu Trinh đến đường Võ Văn Tần)	2.100	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	1.470	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
9	Khu định cư khu phố 8		
	Đường Phan Chu Trinh (ĐT 768), đoạn từ đường Quang Trung đến ngã ba Điện lực	3.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 767) (Đoạn từ ngã tư Đập Tràn đến cổng Công ty Thủy điện Trị An)	3.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Các đường còn lại	2.100	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
10	Khu tái định cư xã Hiếu Liêm (mở rộng)		
	Đường Xóm Mới ấp 3, từ đường Hiếu Liêm đến hết ranh dự án điểm dân cư số 6 (thửa đất số 181, tờ BĐDC số 19, xã Hiếu Liêm)	650	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	650	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 65% so với giá đất thuộc vị trí 1 Đường Hiếu Liêm (xã Hiếu Liêm), từ đường Nhà máy thủy điện Trị An đến cầu số 4
VII	Huyện Trảng Bom		
1	Khu dân cư và tái định cư 5,3 ha thị trấn Trảng Bom		
	Đường An Dương Vương (từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền)	7.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Hai Bà Trưng (từ đường Ngô Quyền đến đường An Dương Vương)	6.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Lý Thái Tổ	6.500	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Lý Nam Đế	6.500	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường 30 tháng 4 từ Quốc lộ 1 đến đường An Dương Vương	11.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	5.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 80% so với giá đất thuộc vị trí 1 đường thấp
2	Khu tái định cư 4,7 ha thị trấn Trảng Bom		
	Đường An Dương Vương (từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền)	7.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Đinh Tiên Hoàng (Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha))	7.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Hùng Vương (Đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Ngô Quyền)	11.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Đường Lê Đại Hành (Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Lý Nam Đế)	6.500	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Lý Nam Đế	6.500	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Trần Nhật Duật (từ đường Hùng Vương đến hết ranh thửa đất số 562, tờ BĐDC số 15 về bên phải và hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐDC số 15 về bên trái, thị trấn Trảng Bom)	4.500	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	4.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 90% so với giá đất thuộc vị trí 1 đường thấp
3	Khu TĐC phục vụ Quốc lộ 1A-đoạn tránh thành phố Biên Hòa, xã Bình Minh		
	Đường song hành đường Võ Nguyên Giáp thuộc xã Bình Minh ((qua khu tái định cư Bình Minh), từ thửa đất số 456, tờ BĐDC số 29, xã Bình Minh đến thửa đất số 1154, tờ BĐDC số 29, xã Bình Minh)	6.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường trục chính khu TĐC Bình Minh	4.500	Bổ sung thêm đường trong Bảng giá với tên "Đường trục chính khu TĐC Bình Minh", độ rộng đường từ 20-22m, đây là tuyến chính của khu TĐC Bình Minh. Giá mặt tiền đề xuất gấp 1,5 lần so với VT2 của Bảng giá đang sử dụng cho khu TĐC Bình Minh
	Các đường còn lại	4.200	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
4	Khu tái định cư Hồ Nai		
	Các đường trong Khu tái định cư Hồ Nai	2.500	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
5	Khu tái định cư 2,5 và 3,5 ha Bắc Sơn		
	Đường tỉnh 767 (Đoạn từ ngã 3 Hươu Nai đến Trường Tiểu học Sông Mây)	8.400	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	5.900	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
6	Khu dân cư số 1		

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (Đoạn từ trụ sở Hội người mù đến cây xăng Thành Thái)	11.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Nguyễn Văn Linh	8.500	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền và đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Văn Linh)	8.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Lê Quý Đôn	4.500	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Trương Định (từ đường Lê Quý Đôn đến đường Nguyễn Huệ)	4.500	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	5.600	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1 Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền và đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Văn Linh)
7	Khu tái định cư Lò Gạch		
	Đường Ngô Quyền	7.500	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	5.300	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
8	Khu dân cư Tây Hòa		
	Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (từ Quốc lộ 1 đi qua khu tái định cư Tây Hòa đến Cầu 1 tấn xã Tây Hòa)	3.200	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	2.200	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
9	Khu tái định cư phục vụ đường Nguyễn Hữu Cảnh		
	Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có đường song hành)	10.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Trương Định (từ đường Lê Quý Đôn đến đường Nguyễn Huệ)	4.500	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Trương Định (từ đường Lê Quý Đôn đến Quốc lộ 1)	4.500	Bổ sung Đường Trương Định đoạn (từ đường Lê Quý Đôn đến Quốc lộ 1) cùng mức giá 4,5 triệu đồng/m ² do cả tuyến hạ tầng như nhau
	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Quốc lộ 1)	5.000	Bổ sung Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến Quốc lộ 1) cùng mức giá 5 triệu đồng /m ² do cả tuyến hạ tầng như nhau

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Đường Nội bộ Khu tái định cư phục vụ đường Nguyễn Hữu Cánh	5.000	Bổ sung Đường Nội bộ Khu tái định cư phục vụ đường Nguyễn Hữu Cánh giá 8tr/m2 bằng với đường Nguyễn Tri Phương do 2 tuyến hạ tầng như nhau
	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến Quốc lộ 1)	8.000	Bổ sung Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến Quốc lộ 1) cùng mức giá 8tr/m2 do cả tuyến hạ tầng như nhau
	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Ngô Quyền và đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Văn Linh)	8.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
IX	Huyện Xuân Lộc		
1	Khu tái định cư thị trấn Gia Ray (phục vụ dự án cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây)		
	Đường Nguyễn Văn Linh (Từ đường Nguyễn Hữu Cánh đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	1.600	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	1.400	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
2	Khu tái định cư thị trấn Gia Ray		
	Đường Phan Văn Trị (Từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3)	2.400	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường số 4	1.800	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	1.700	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
3	Khu tái định cư xã Xuân Hiệp		
	Đường Tam Hiệp - Tân Tiến, từ Quốc lộ 1 đến hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐDC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐDC số 26 về bên trái, xã Xuân Hiệp	1.200	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường vào Trạm y tế (xã Xuân Hiệp), từ Quốc lộ 1 đến ranh hồ Gia Măng	1.200	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	850	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
4	Khu tái định cư Xuân Tâm trường bắn Quốc gia khu vực III		

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Các đường trong Khu tái định cư Xuân Tâm trường bắn Quốc gia khu vực III	1.800	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1 Quốc lộ 1 (Đoạn qua xã Xuân Tâm, từ Cầu Trắng đến giáp ranh xã Xuân Hưng)
X	Thành phố Biên Hòa		
1	Khu dân cư phục vụ tái định cư số 21 (nối khu tái định cư khu F với Khu dân cư Đình Tân Lại)		
	Đường N4 (từ đường Nguyễn Du đến hết ranh thửa đất số 39, tờ BĐDC số 20 về bên phải và hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐDC số 20 về bên trái, phường Bửu Long)	21.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Nguyễn Bình Khiêm (từ đường Huỳnh Văn Nghệ đến đường N10, khu dân cư Bửu Long)	21.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
	Đường D2 (phường Bửu Long)	21.000	Bổ sung đường mới, đề xuất mức giá bằng đường N4
	Đường N12 (phường Bửu Long)	21.000	Bổ sung đường mới, đề xuất mức giá bằng đường N4
	Các đường còn lại	14.700	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
2	Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án cầu Đồng Nai và kinh doanh		
	Các đường trong Khu dân cư phục vụ tái định cư dự án cầu Đồng Nai và kinh doanh	14.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
3	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị và du lịch Sơn Tiên		
	Các đường trong Khu tái định cư phục vụ dự án Khu đô thị và du lịch Sơn Tiên	16.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
4	Khu tái định cư phường An Hòa		
	Quốc lộ 51 Đoạn từ Nguyễn Thiện Thuật đến mũi tàu tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	23.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	16.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
5	Khu dân cư, tái định cư phường Long Bình (Công ty 28 - Bộ Quốc phòng)		

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Đường Hoàng Tam Kỳ (từ đường Bùi Văn Hòa đến hết ranh thửa đất số 178, tờ BĐDC số 134 về bên phải và hết ranh thửa đất số 78, tờ BĐDC số 134 về bên trái, phường Long Bình)	20.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	14.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
6	Khu tái định cư số 39 (khóm 3)		
	Các đường trong Khu tái định cư số 39 (khóm 3)	16.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
7	Khu tái định cư số 91 (Ban Quản lý Dự án)		
	Các đường trong Khu tái định cư số 91 (Ban Quản lý Dự án)	24.500	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1 Đường Phạm Văn Thuận
8	Khu dân cư và tái định cư số 44		
	Quốc lộ 51 Đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến cầu sông Buông	14.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	9.800	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
9	Khu dân cư phục tái định cư số 54		
	Các đường trong Khu dân cư phục tái định cư số 54	15.400	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
10	Khu tái định cư 4,20 ha		
	Tiếp giáp Đường Phạm Văn Diêu	12.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	8.400	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
11	Khu tái định cư Khu phố Nhị Hòa		
	Đường Đỗ Văn Thi Đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến hết cây xăng An Thái An	20.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	14.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
12	Khu tái định cư phường Bửu Long		

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Đường D2 (phường Bửu Long)	21.000	Bổ sung thêm đường trong Bảng giá với tên 'Đường D2'
	Đường N12 (phường Bửu Long)	21.000	Bổ sung thêm đường trong Bảng giá với tên 'Đường N12'
	Các đường còn lại	14.700	Đề xuất Vị trí 2 bằng 70% vị trí 1. Hiện tại khu tái định cư đã đầu tư hạ tầng đồng bộ thuận lợi hơn khu dân cư hiện hữu
13	Khu Tái định cư Long Bình		
	Các đường trong Khu Tái định cư Long Bình	15.400	Đề xuất Vị trí 2 bằng 70% vị trí 1. Hiện tại khu tái định cư đã đầu tư hạ tầng đồng bộ thuận lợi hơn khu dân cư hiện hữu
14	Khu TĐC Khu phố Bình Dương		
	Đường Châu Văn Lồng (từ Quốc lộ 51 đến hết ranh thửa đất số 281, từ BĐDC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 144, từ BĐDC số 25 về bên trái, phường Long Bình Tân)	14.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	9.800	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
15	Khu TĐC Long Hưng		
	Các đường trong Khu TĐC Long Hưng	6.300	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
16	Khu tái định cư Quốc Lộ 1A		
	Các đường trong Khu tái định cư Quốc Lộ 1A	11.900	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
17	Khu tái định cư 2,10 ha phường Tân Hạnh		
	Các đường trong Khu tái định cư 2,10 ha phường Tân Hạnh	8.400	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
18	Hạ tầng khu dân cư, thương mại và tái định cư 6,3 ha tại phường Bửu Long		
	Đường 10 (từ đường Nguyễn Du đến đường D5, khu dân cư Bửu Long)	21.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	14.700	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
19	Khu tái định cư phường Quang Vinh		
	Đường Đông Tây 3 (phường Quang Vinh)	21.000	Bổ sung thêm đường trong Bảng giá với tên 'Đường Đông Tây 3 (phường Quang Vinh)'

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Đường Nguyễn Du (đường vào Miếu Bình Thiên cũ)	23.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	16.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
20	Khu TĐC Tân Phong 1		
	Các đường trong Khu TĐC Tân Phong 1	7.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
21	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư phường Tân Biên		
	Đường vào khu tái định cư Tân Biên (nối từ đường Hoàng Văn Bôn đến hết ranh thửa đất số 521, tờ BĐDC số 7 về bên phải và hết ranh thửa đất số 120, tờ BĐDC số 5 về bên trái, phường Tân Biên)	12.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	8.400	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
22	Khu dân cư và tái định cư số 55 (xây dựng hạ tầng)		
	Đường Phạm Thị Nghĩa vào khu tái định cư Tân Hiệp	20.000	Bổ sung nối đường Phạm Thị Nghĩa vào khu tái định cư Tân Hiệp
	Các đường còn lại	14.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
23	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai		
	Đường Phạm Văn Thuận	35.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	24.500	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
24	Khu dân cư phục vụ TĐC KP1 phường Bửu Long		
	Các đường trong Khu dân cư phục vụ TĐC KP1 phường Bửu Long	14.700	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
25	Khu tái định cư 1 ha phường Tân Biên		

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Đường vào nhà máy nước Thiện Tân (nối từ đường vào khu tái định cư Tân Biên đến hết ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 3 về bên phải và hết ranh thửa đất số 4, tờ BĐĐC số 3 về bên trái, phường Tân Biên)	12.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	8.400	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
26	Khu TĐC Tân Phong		
	Đường Lương Văn Nho Đoạn từ đường vào cư xá Tỉnh đội đến ngã rẽ giáp đường Hồ Hòa	17.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	11.900	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
27	Khu tái định cư 0,16 ha phường Hiệp Hòa		
	Đường Đặng Văn Trơn Đoạn từ đường Đỗ Văn Thi đến đường rẽ lên cầu Bửu Hòa	21.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	14.700	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
28	Khu dân cư An Bình mở rộng (cty Sonadezi)		
	Đường Trần Thị Hoa	16.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	11.200	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
29	Khu dân cư An Hòa 2		
	Đường Trần Thị Hoa	16.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Đường Lê Thị Vân (từ đường Trần Quốc Toàn đến đường N9 - khu dân cư An Bình)	16.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	11.200	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
30	Khu tái định cư phường An Bình (Ajinomoto)		
	Các đường trong Khu tái định cư phường An Bình (Ajinomoto)	11.200	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
31	Khu dân cư Tân Hạnh 1 ha		

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Các đường trong Khu dân cư Tân Hạnh 1 ha	8.400	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
32	Khu dân cư 1 ha phường Hóa An		
	Đường Huỳnh Mẫn Đạt (đường vào Mỏ đá BBCC cũ)	13.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	9.100	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
33	Khu dân cư Phú Gia		
	Đường Nguyễn Khuyến (từ ngã tư Phú Thọ đến giáp xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu) Đoạn từ đường Trần Văn Xá (ngã tư Trường Nguyễn Khuyến) đến ngã 4 Quang Thắng	17.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	11.900	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
34	Khu tái định cư Tam Phước phục vụ tái định cư cho KCN Tam Phước 15ha		
	Các đường trong Khu tái định cư Tam Phước phục vụ tái định cư cho KCN Tam Phước 15ha	7.000	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
35	Khu tái định cư Hồ Nai		
	Các đường trong Khu tái định cư Hồ Nai	18.900	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
36	Khu tái định cư 3,2 ha phường Bửu Long		
	Các đường trong Khu tái định cư 3,2 ha phường Bửu Long	14.700	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
37	Khu tái định cư Phước Hữu		
	Các đường trong Khu tái định cư Phước Hữu	14.700	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
38	Khu dân cư, tái định cư phường Tam Phước		
	Đường Hà Nam (từ Quốc lộ 51 đến hết ranh thửa đất số 141, tờ BĐĐC số 82 về bên phải và hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐĐC số 82 về bên trái, phường Tam Phước)	5.000	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá

TT	Tên Khu tái định cư	Giá đất	Ghi chú
	Các đường còn lại	3.500	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
XI	Huyện Cẩm Mỹ		
1	Khu dân cư và tái định cư xã Nhân Nghĩa		
	Các đường trong Khu dân cư và tái định cư xã Nhân Nghĩa	2.100	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.
2	Khu dân cư có bố trí tái định cư Xuân Quế		
	đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn (đoạn từ đầu khu tái định cư xã Xuân Quế đến đường Cầu Đỏ - Suối Sâu)	1.800	Đường này đã có tên trong bảng giá, giữ nguyên mức giá
	Các đường còn lại	1.300	Điều kiện về hạ tầng tốt hơn so với các thửa đất có cùng vị trí 2, đề xuất giá đất bằng khoảng 70% so với giá đất thuộc vị trí 1.